

# Phương pháp tính

## GIÁ TRỊ SẢN XUẤT GIÁ SO SÁNH THEO NGÀNH SẢN PHẨM

(Tiếp theo kỳ trước)

TS. Nguyễn Bích Lâm\*

### 2. KHAI THÁC MỎ

#### - Phạm vi tính giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất ngành sản phẩm của hoạt động công nghiệp khai thác mỏ bao gồm sản phẩm của các hoạt động sau: (1) Khai thác hầm lò; (2) Khai thác lộ thiên hoặc khai thác bằng giếng các khoáng sản tự nhiên ở dạng cứng, dạng lỏng và dạng khí; (3) Khai thác muối từ nước biển; (4) Các hoạt động phụ như nghiền, mài, sàng, v.v, được tiến hành tại các mỏ để sản xuất ra những nguyên liệu thô.

#### - Một số đặc điểm cần quan tâm khi tính giá trị sản xuất

Sản phẩm của ngành khai thác mỏ không nhiều, được phân loại chi tiết và hệ thống giá thị trường khá tốt, hoạt động khai thác mỏ thường tập trung vào các công ty, doanh nghiệp lớn như khai thác dầu khí, than đá, quặng thiếc..., nên phân loại sản phẩm và thu thập thông tin của ngành này có nhiều thuận lợi. Sản phẩm của hoạt động khai thác mỏ khá ổn định về chất lượng, không phụ thuộc vào yếu tố mùa vụ, vì vậy khi tính chỉ số giá sản xuất (PPI) không cần điều chỉnh hai yếu tố này. Trợ cấp sản phẩm và chính sách thuế đặc biệt thường áp dụng trong ngành này nên cần lưu ý khi tính giá trị sản xuất và PPI theo giá cơ bản.

#### - Phương pháp tính giá trị sản xuất

Phương pháp chỉ số giá với công cụ PPI và bảng nguồn và sử dụng (SUT) phù hợp là phương pháp tốt nhất, được xếp loại A. Với đặc trưng ít thay đổi về loại sản phẩm khai thác từ thiên nhiên và chất lượng sản phẩm khai thác khá ổn

định, phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ giá và lượng cho kết quả khá tốt, được xếp loại B với điều kiện phải đổi năm gốc so sánh đều đặn khoảng 5 năm một lần. Phương pháp chỉ số khối lượng áp dụng đối với ngành khai thác mỏ cũng được xếp loại B. Với một số hạn chế và giả sử phi thực tế nên phương pháp chi phí trung gian được xếp loại C.

### 3. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN

#### - Phạm vi tính giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất ngành sản phẩm của công nghiệp chế biến bao gồm sản phẩm của các hoạt động sau: (i) Các hoạt động làm thay đổi về mặt lý, hóa học của vật liệu hoặc thay đổi các thành phần cấu thành của nó để tạo ra các sản phẩm mới; (ii) Các hoạt động lắp ráp sản phẩm; (iii) Hoạt động gia công.

#### - Một số đặc điểm cần quan tâm khi tính giá trị sản xuất

Ngành công nghiệp chế biến tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng về mẫu mã và chủng loại nhất trong nền kinh tế, chất lượng không ngừng nâng cao, giá cả biến động nhanh theo chiều hướng chất lượng tăng nhưng giá sản phẩm lại giảm như: máy tính, điện thoại di động và các sản phẩm điện tử khác, v.v. Thời gian sử dụng để tạo ra sản phẩm tương đối ngắn và thường kết thúc trong kỳ kế toán. Tuy vậy cũng có những sản phẩm cần thời gian tương đối dài để chế tạo như máy bay, tàu biển, các máy móc thiết bị cỡ lớn khác, v.v. Các nhà thống kê thường tách riêng trường hợp máy

\* Phó tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

móc thiết bị cỡ lớn vì sản phẩm của nhóm này có ảnh hưởng đáng kể đối với nền kinh tế có quy mô vừa và nhỏ. Nếu tính không tốt theo giá so sánh đối với nhóm sản phẩm này sẽ ảnh hưởng tới đánh giá tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Giá bán của máy móc thiết bị cỡ lớn như: máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, các giàn khoan, máy móc chuyên dụng, v.v, thường bao gồm cả dịch vụ chăm sóc khách hàng sau khi bán sản phẩm. Chẳng hạn, khi nước ta mua máy bay Boeing của Mỹ, hãng Boeing cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng miễn phí trong thời gian bảo hành, dịch vụ sau bán hàng là yếu tố thuộc về chất lượng sản phẩm nên phải tính vào chất lượng của hàng hóa và được coi là thay đổi về khối lượng sản phẩm.

Máy móc, thiết bị cỡ lớn thường có thời gian sản xuất kéo dài hơn một kỳ hạch toán nên khi tính kết quả sản xuất phải phù hợp với kỳ hạch toán và giá cả trong kỳ. Nếu kết thúc kỳ hạch toán nhưng sản phẩm chưa hoàn thành, cần xác định giá trị của sản phẩm dở dang, hạch toán và dùng chỉ số giá để loại trừ biến động về giá theo đúng phương pháp đối với sản phẩm dở dang. Mặt khác, những sản phẩm này được bán với giá cạnh tranh quốc tế, biến động giá quốc tế ảnh hưởng và gây biến động giá của hàng hóa này ở trong nước, vì vậy có thể dùng giá quốc tế của nhóm hàng này khi tính theo giá so sánh nhưng phải lưu ý tới biến động tỷ giá hối đoái và tỷ lệ lạm phát của thế giới đối với trong nước.

Chất lượng của máy tính điện tử nói riêng và đồ điện tử nói chung thay đổi nhanh nhưng giá bán trên thị trường lại giảm. Máy tính bán trên thị trường là sự kết hợp giữa phần cứng và chương

trình phần mềm nên khi tính giá trị sản xuất của nhóm sản phẩm máy tính điện tử theo giá so sánh, các nhà thống kê phải xử lý vấn đề thay đổi chất lượng sản phẩm trong giá bán. Phương pháp Hedonic<sup>(1)</sup> cho phép xác định và lượng hóa được những đặc trưng của sản phẩm ảnh hưởng đến giá bán qua hệ số hồi quy vì vậy là phương pháp tốt nhất đối với nhóm sản phẩm này. Phương pháp giá lựa chọn khá phù hợp với sản phẩm máy tính điện tử vì nhiều khi giá của máy tính khác nhau do chúng có những chức năng khác nhau và giá của từng bộ phận thường có trên thị trường.

#### - Phương pháp tính giá trị sản xuất

Phương pháp chỉ số giá với PPI tính theo giá cơ bản và loại trừ yếu tố thay đổi chất lượng sản phẩm, đáp ứng *nguyên tắc mức độ gộp ngành sản phẩm* và dùng SUT làm công cụ tính được xếp loại A.

Các nhà thống kê thường tính CPI rất chi tiết cho từng nhóm sản phẩm tiêu dùng theo giá sử dụng, vì vậy phương pháp chỉ số giá dùng CPI chi tiết đã điều chỉnh từ giá sử dụng sang giá cơ bản được xếp loại B.

Với đặc trưng đa dạng và chất lượng sản phẩm thay đổi nhanh của ngành công nghiệp chế biến, phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ giá và lượng được xếp loại C. Phương pháp chi phí trung gian và phương pháp chỉ số giá nhưng chỉ số giá không phù hợp, không đại diện cho các nhóm ngành sản phẩm cũng xếp loại C.

**Đối với sản phẩm là máy móc thiết bị cỡ lớn:** dùng chỉ số giá của từng bộ phận cấu thành trong phương pháp định giá theo mô hình sản phẩm để tính chuyển giá trị sản xuất của máy móc

<sup>(1)</sup> Phương pháp Hedonic dùng để điều chỉnh sự khác biệt về giá cả của hàng hóa do khác nhau về chất lượng thể hiện qua các đặc trưng của hàng hóa. Các nhà thống kê thu thập thông tin về giá của sản phẩm trên thị trường và những thông tin phản ánh đặc trưng khác nhau của các loại hàng hóa. Hệ số thu được từ phép hồi quy phản ánh đặc trưng tổng quát của hàng hóa, biểu thị sự khác biệt về giá giữa các loại hàng hóa và dùng hệ số hồi quy để tính giá trong một thời kỳ của hàng hóa khi chúng chưa có trên thị trường. Các nhà thống kê thường thực hiện phép hồi quy cho kỳ gốc và dùng hệ số hồi quy cho một số kỳ. Phương pháp Hedonic thường sử dụng trong trường hợp sản phẩm thay đổi nhanh, tuy vậy phương pháp này đòi hỏi phải xác định và định lượng được các đặc trưng của hàng hóa.

thiết bị cỡ lớn từ giá thực tế về giá so sánh được xếp loại A. Khi áp dụng phương pháp định giá theo mô hình sản phẩm cần lưu ý loại trừ biến động của tỷ giá hối đoái nếu giá của từng bộ phận cấu thành sản phẩm nhạy cảm với biến động của tỷ giá.

Dùng chỉ số giá của sản phẩm bán trên thị trường thế giới và những sản phẩm này đại diện cho các sản phẩm sản xuất trong nước, đã điều chỉnh biến động của tỷ giá hối đoái được xếp loại B. Phương pháp chi phí trung gian, phương pháp dựa vào các chỉ tiêu có liên quan nhưng không loại trừ yếu tố thay đổi chất lượng hay dựa vào giá trị đơn vị đều xếp loại C.

**Đối với máy tính điện tử:** phương pháp chỉ số giá với PPI đã loại trừ yếu tố thay đổi chất lượng sản phẩm được xếp loại A. Các phương pháp xếp vào loại B bao gồm: phương pháp chỉ số giá nhưng PPI không xử lý vấn đề thay đổi chất lượng sản phẩm, hoặc mượn chỉ số giá máy tính của các nước trong khu vực với điều kiện giá để tính chỉ số của các nước này phải là giá của những loại máy tính đại diện cho máy tính sản xuất trong nước. Khi sử dụng PPI của các nước trong khu vực, cần thu thập thêm thông tin về chất lượng của những loại máy tính này để điều chỉnh cho phù hợp với chất lượng máy tính sản xuất trong nước.

*Các phương pháp sau đây được xếp loại C:* phương pháp chỉ số giá với chỉ số giá của các sản phẩm điện tử không đồng nhất, hoặc sử dụng chỉ số giá nhưng chưa loại trừ yếu tố thay đổi chất lượng sản phẩm; phương pháp sử dụng giá trị đơn vị làm chỉ số để loại trừ biến động của yếu tố giá; phương pháp chi phí trung gian.

#### 4. ĐIỆN, GA, CUNG CẤP NƯỚC

##### - Phạm vi tính giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất ngành sản phẩm của công nghiệp điện ga, cung cấp nước bao gồm sản phẩm của các hoạt động sau: (1) Sản xuất tập trung, chuyển tải và phân phối điện; (2) Sản xuất và phân

phối nhiên liệu khí; (3) Sản xuất tập trung và phân phối nước và hơi nước.

##### - Một số đặc điểm cần quan tâm khi tính giá trị sản xuất

Công nghiệp điện, ga, cung cấp nước bao gồm hoạt động sản xuất và cung cấp sản phẩm đến đối tượng sử dụng, sản phẩm của nhóm ngành này đồng nhất tuyệt đối, chẳng hạn sản phẩm điện luôn tính bằng kilowatt, ga và nước luôn tính bằng m<sup>3</sup> và giá trị của một đơn vị sản phẩm được tính theo phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ giá và lượng. Hoạt động sản xuất của ngành này có tính tập trung cao, do các doanh nghiệp nhà nước thực hiện nên số liệu về khối lượng sản phẩm sản xuất ra và giá của một đơn vị sản phẩm thường thu được đầy đủ. Tuy vậy cần lưu ý một số đặc điểm sau:

- Đối với sản phẩm điện cần lưu ý sự khác biệt giữa “phân biệt đối xử về giá bán điện” cho các đối tượng sử dụng với giá bán điện khác nhau do chất lượng điện cung cấp khác nhau. Điều này rất có ý nghĩa khi dùng chỉ số giá để loại trừ biến động giá trong giá trị sản xuất vì khác biệt về giá do phân biệt đối xử không cần điều chỉnh như trong trường hợp khác nhau về giá do chất lượng sản phẩm (vì khi đó được coi là hai sản phẩm khác nhau). Phân biệt đối xử về giá bán điện xảy ra trong trường hợp các mức giá khác nhau áp dụng cho cùng một loại sản phẩm điện trong những hoàn cảnh tương tự. Chẳng hạn giá bán điện cho sản xuất khác với giá bán điện cho tiêu dùng của hộ gia đình tại cùng một thời điểm trong ngày chính là sự phân biệt đối xử về giá. Giá bán điện cho cùng một loại đối tượng nhưng khác nhau giữa ban ngày vào giờ cao điểm và ban đêm là sự khác biệt về giá do chất lượng sản phẩm khác nhau.

- Đơn vị sản xuất có thể trực tiếp phân phối sản phẩm điện, ga và nước tới các đối tượng tiêu dùng, nhưng thông thường hoạt động này do các đơn vị khác đảm nhận. Có hai phương pháp hạch toán hoạt động phân phối của nhóm sản phẩm

này: phương pháp thuần và phương pháp gộp. Nếu đơn vị phân phối hạch toán sản lượng là phí lưu thông đó là hạch toán thuần; ngược lại nếu hạch toán cả giá trị sản phẩm điện, ga và nước mua vào để phân phối trong sản lượng của đơn vị là hạch toán gộp, hai phương pháp hạch toán khác nhau dẫn tới hai cách tính giá trị sản xuất theo giá so sánh khác nhau.

**- Phương pháp tính giá trị sản xuất**

Để phù hợp với thực tế hoạt động thường tách riêng giữa sản xuất và phân phối, phương pháp tính giá trị sản xuất giá so sánh cũng tách riêng cho hai hoạt động này.

a. *Đối với hoạt động sản xuất.* Phương pháp chỉ số giá với công cụ là PPI đã điều chỉnh sự khác biệt về chất lượng sản phẩm được xếp loại A. Do sản phẩm của nhóm ngành này có tính đồng nhất tuyệt đối nên phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ giá và lượng cũng xếp loại A, tuy nhiên khi áp dụng phương pháp này, khối lượng sản phẩm và giá của năm gốc phải chia chi tiết theo đối tượng được cung cấp sản phẩm.

Xếp vào loại B nếu áp dụng phương pháp chỉ số giá nhưng PPI chưa điều chỉnh sự khác biệt về chất lượng sản phẩm hoặc áp dụng phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ giá và lượng nhưng khối lượng sản phẩm và giá của năm gốc không tách chi tiết theo đối tượng được cung cấp sản phẩm, phương pháp chi phí trung gian được xếp loại C.

b. *Đối với hoạt động phân phối.* Ứng với phương pháp hạch toán thuần và gộp có hai nhóm phương pháp tính giá trị sản xuất của hoạt động phân phối điện, ga và nước.

- *Nếu hạch toán thuần:* giá trị sản xuất của hoạt động phân phối trùng với khái niệm phí lưu thông của ngành thương nghiệp bán buôn và bán lẻ. Phương pháp chỉ số giá áp dụng đồng thời với doanh số bán ra và trị giá vốn hàng hóa mua vào bằng chỉ số giá phù hợp được xếp loại A. Khi đó giá trị sản xuất giá so sánh của hoạt động phân

phối bằng hiệu số giữa doanh số bán ra với trị giá vốn hàng bán ra theo giá so sánh.

Phương pháp tỷ lệ: đối với dịch vụ lưu thông hàng hóa - phí lưu thông và số lượng hàng hóa đưa vào lưu thông là hai đại lượng tỷ lệ thuận theo nghĩa càng nhiều hàng hóa đưa vào lưu thông càng tạo ra nhiều khối lượng dịch vụ lưu thông. Mối quan hệ tỷ lệ thuận này là cơ sở để các nhà thống kê đưa ra phương pháp tính giá trị sản xuất của hoạt động phân phối điện, ga và nước theo giá so sánh với giả sử giá trị phí lưu thông so với giá trị hàng hóa đưa vào lưu thông là một tỷ lệ ổn định. Cụ thể các bước của phương pháp này như sau:

Bước 1. Dùng PPI để chuyển giá trị sản lượng điện, ga và nước phân phối cho các đối tượng sử dụng về giá của năm gốc;

Bước 2. Dùng tỷ lệ giữa phí lưu thông so với giá trị hàng hóa đưa vào lưu thông của năm gốc nhân với giá trị sản lượng điện, ga và nước của năm cần tính theo giá năm gốc (kết quả ở bước 1) nhận được giá trị sản xuất của hoạt động phân phối điện, ga và nước theo giá so sánh.

Phương pháp tỷ lệ được xếp loại B vì giả sử tỷ lệ giữa giá trị phí lưu thông so với giá trị hàng hóa đưa vào lưu thông là ổn định không hoàn toàn đúng trong thực tế. Bất kỳ phương pháp nào khác, đặc biệt phương pháp dùng chỉ số giá để loại trừ biến động về giá trực tiếp với phí lưu thông được xếp loại C.

- *Nếu hạch toán gộp:* dùng PPI được tính kết hợp cả yếu tố sản xuất và yếu tố phân phối trong sản lượng để loại trừ biến động về giá của giá trị sản xuất được xếp loại A. Giá trị sản xuất giá so sánh của hoạt động phân phối bằng giá trị hạch toán gộp theo giá so sánh trừ đi giá trị sản lượng điện mua vào theo giá so sánh. Phương pháp chỉ số giá áp dụng trực tiếp cho giá trị sản xuất với CPI là công cụ được xếp loại B. Bất kỳ phương pháp nào khác, như phương pháp chi phí trung gian được xếp loại C.

## 5. XÂY DỰNG

### - Phạm vi tính giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất ngành sản phẩm của xây dựng bao gồm sản phẩm của các hoạt động sau: (1) Xây dựng và lắp đặt thiết bị trong các công trình phục vụ sản xuất, đời sống xã hội và dân cư; (2) Sửa chữa lớn các công trình xây lắp; (3) Hoạt động thi công cơ giới phục vụ trực tiếp cho công việc xây lắp các công trình; (4) Hoạt động xây dựng, lắp đặt và sửa chữa lớn tự làm.

### - Một số đặc điểm cần quan tâm khi tính giá trị sản xuất

Sản phẩm xây dựng đa dạng, có quy mô và phạm vi lớn nhưng mang tính đơn chiếc. Nhiều công trình xây dựng nhìn bề ngoài hoàn toàn giống nhau nhưng cấu trúc, chất lượng công trình lại khác nhau và đây là đặc điểm nổi bật nhất ảnh hưởng tới phương pháp tính giá trị sản xuất giá so sánh. Hoạt động xây dựng đa dạng và khác nhau, bao gồm xây dựng mới, sửa chữa lớn, duy tu sửa chữa nhỏ và hoạt động tự xây dựng, đòi hỏi phải có phương pháp và chỉ số giá phù hợp để tính chuyển kết quả sản xuất từ giá hiện hành về giá so sánh.

Dựa vào công dụng của sản phẩm, các nhà kinh tế thường xếp công trình xây dựng vào bốn nhóm: nhà ở; công trình dân dụng không phải nhà ở; nhà xưởng sản xuất; cơ sở hạ tầng. Sản phẩm xây dựng có tính chu kỳ và gắn chặt với chu kỳ của nền kinh tế. Đặc điểm riêng có của sản phẩm xây dựng đó là cơ cấu sản phẩm thay đổi qua các năm đã gây nên sự phức tạp và ảnh hưởng tới chất lượng tính giá trị sản xuất giá so sánh. Mặt khác, quá trình thi công, xây dựng kéo dài, nhiều công trình lớn có thời gian thi công có thể vài năm như: xây dựng cầu, sân bay, bến cảng, v.v, vì thế để tính kết quả hoạt động xây dựng trong một kỳ hạch toán cần xác định mức độ hoàn thành của công trình trong năm và phân bổ chi phí xây dựng thực tế trong năm.

### - Phương pháp tính giá trị sản xuất

Phương pháp chỉ số giá để chuyển giá trị sản xuất theo ngành sản phẩm xây dựng từ giá hiện hành về giá so sánh được xếp loại A nếu phương pháp thỏa mãn điều kiện đưa ra trong từng bước thực hiện dưới đây:

Bước 1. Giá trị sản xuất ngành xây dựng được chia theo bốn nhóm sản phẩm;

Bước 2. Tính được chỉ số giá sản phẩm xây dựng theo bốn nhóm với điều kiện sản phẩm xây dựng được chọn để lấy giá phải đại diện cho nhóm.

Bước 3. Loại trừ biến động về giá trong giá trị sản xuất theo nhóm sản phẩm bằng PPI của sản phẩm xây dựng tương ứng.

Phương pháp chỉ số giá với công cụ là PPI của sản phẩm xây dựng hoàn hảo về lý thuyết, nhưng tính khả thi không cao trong thực tế nên chỉ một số cơ quan thống kê trên thế giới áp dụng. Trong thực tế, Tổng cục Thống kê chưa chia được giá trị sản xuất ngành xây dựng theo bốn nhóm sản phẩm nên không thể áp dụng phương pháp này. Chúng tôi đề xuất phương pháp “Chi phí trung gian” dưới đây có tính khả thi ở Việt Nam và đảm bảo chất lượng số liệu tính giá trị sản xuất giá so sánh.

*Phương pháp chi phí trung gian* với bảng nguồn và sử dụng và chỉ số giá chi phí đầu vào làm công cụ để loại trừ biến động về giá theo chúng tôi có thể xếp vào loại B. Nội dung của phương pháp này theo từng bước như sau:

Bước 1. Dùng bảng sử dụng và chỉ số giá chi phí vật tư và dịch vụ dùng trong xây dựng để tính chuyển chi phí trung gian của ngành xây dựng từ giá thực tế về giá so sánh;

Bước 2. Dùng tỷ lệ giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian theo giá thực tế nhân với giá trị chi phí trung gian theo giá so sánh nhận được giá trị sản xuất của ngành xây dựng giá so sánh.

Phương pháp chi phí trung gian áp dụng đối với ngành xây dựng có một số ưu điểm sau:

- Khắc phục được khó khăn trong thống kê giá trị sản xuất theo bốn nhóm sản phẩm và biên soạn chỉ số giá sản phẩm xây dựng;

- Tính chỉ số giá vật tư và dịch vụ dùng trong xây dựng có tính khả thi cao;

- Tổng cục Thống kê đã biên soạn bảng nguồn và sử dụng đều đặn 5 năm một lần và có khả năng cập nhật bảng này hàng năm.

Như đã đề cập chi tiết phương pháp chi phí trung gian, để áp dụng phương pháp này chúng ta đã giả sử tỷ lệ chi phí trung gian so với giá trị sản xuất giá thực tế bằng với tỷ lệ theo giá so sánh là có thể chấp nhận được đối với ngành xây dựng vì giá của sản phẩm xây dựng và giá của vật liệu xây dựng thường biến động theo cùng xu thế và có độ biến động tương đối giống nhau.

*Các phương pháp sau đây được xếp loại C:* dùng chỉ số giá vật liệu xây dựng để loại trừ trực tiếp biến động về giá của giá trị sản xuất; hoặc dùng phương pháp chỉ số khối lượng với chỉ tiêu khối lượng tổng quát như: số m<sup>2</sup> xây dựng, số giấy phép xây dựng hay số liệu từ đấu thầu.

**(còn nữa)**

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Bích Lâm (2001), “Một số nguyên tắc cơ bản tính giá trị tăng thêm theo giá so sánh bằng phương pháp sản xuất”, *Thông tin Khoa học Thống kê*, (5), tr. 11-17.

2. Nguyễn Bích Lâm (2003), “Bảng nguồn và sử dụng trong đánh giá tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh”, *Thông tin Khoa học Thống kê*, (6), tr. 6-10.

3. Nguyễn Bích Lâm (2005), “Một số suy nghĩ về phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản xuất trong chế độ báo cáo tài khoản quốc gia”, *Thông tin Khoa học Thống kê*, (2), tr. 16-21.

4. Nguyễn Bích Lâm (2006), “Khả năng áp dụng

giá cơ bản trong tính toán chỉ tiêu giá trị sản xuất”, *Thông tin Khoa học Thống kê*, (2), tr. 7-11 & 32.

5. Tổng cục Thống kê (2003), *Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê.

6. Tổng cục Thống kê (2004), *Một số thuật ngữ thống kê thông dụng*, Nhà xuất bản Thống kê.

7. Tổng cục Thống kê (1997), *Hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu*, Nhà xuất bản Thống kê.

8. Tổng cục Thống kê (2004), *Phương án điều tra và báo cáo thống kê giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp*, NXB Thống kê.

9. Tổng cục Thống kê (2004), *Phương án điều tra và báo cáo thống kê giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản*, Nhà xuất bản Thống kê.

10. Tổng cục Thống kê (1995), *Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thống kê giá cả, Ban hành theo Quyết định số 302/CTCK-QĐ ngày 30 tháng 10 năm 1995 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê*.

11. Tổng cục Thống kê (2004), *Phương án điều tra giá tiêu dùng theo chương trình so sánh quốc tế (ICP) của khu vực châu Á - Thái Bình Dương*.

12. Australian Bureau of Statistics (2000), *Australian System of National Accounts, Concepts, Sources and Methods*.

13. Brussels/Luxembourg, New York, Paris, Washington, D.C. (1993), *System of National Accounts 1993*.

14. Commission of the European Communities, *Current classification: Statistical Classification of product by Activity in the European Economic Community, 2002 version, CPA 2002*.

15. European Commission, Eurostat (2001), *Handbook on price and volume measures in national accounts*.

16. Statistics New Zealand, *Producers Price Index, Concepts, Sources and Methods*.

17. United Nations (1968), *System of National Accounts*.